

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng kinh phí NSNN)

Đơn vị tính: đồng VN

STT	DIỄN GIẢI	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được phê duyệt
A	TỔNG NGUỒN THU NĂM 2023(A=I+II)	124.259.640.173	124.259.640.173
I	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang 2023	0	0
II	Tổng số thu ghi nhận nguồn năm nay(II=4+6)	124.259.640.173	124.259.640.173
1	Thu phí, lệ phí, khác	100.342.573.887	100.342.573.887
	- Học phí chính quy	94.230.031.409	94.230.031.409
	+) Nghiên cứu sinh	73.125.000	73.125.000
	+) Thạc sĩ	62.176.000	62.176.000
	+) Học phí chính quy	90.872.730.409	90.872.730.409
	+) Cấp bù học phí	3.222.000.000	3.222.000.000
	- Học phí không chính quy	547.118.000	547.118.000
	+) Hệ 2+2HQ	7.740.000	7.740.000
	+) Hệ liên thông, VB2	534.378.000	534.378.000
	+) Học lại, học cải thiện	5.000.000	5.000.000
	- Đào tạo từ xa	1.320.454.225	1.320.454.225
	- Thu khác	4.244.970.253	4.244.970.253
	- Khai thác cơ sở vật chất và dịch vụ	3.690.625.767	3.690.625.767
	- Tài trợ của các doanh nghiệp	518.638.300	518.638.300
	- Đào tạo ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
	- Lãi tiền gửi ngân hàng	15.706.186	15.706.186
2	Chi trả lại, chi thanh lý, trích nộp cấp trên	2.757.543.714	2.757.543.714
	- Trả lại học phí chính quy, trả lại VLVH, trả lại KTX	751.645.279	751.645.279
	- Nộp thuế	117.345.390	117.345.390
	- Trích nộp cấp trên	1.888.553.045	1.888.553.045
3	Ghi nhận tăng nguồn	0	0
4	Bổ sung nguồn kinh phí=1-2+3+5	97.585.030.173	97.585.030.173
5	Bổ sung quỹ cơ quan	0	0
6	Ngân sách nhà nước cấp	26.674.610.000	26.674.610.000

STT	DIỄN GIẢI	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được phê duyệt
	- Loại 070 khoản 081 Đào tạo đại học thường xuyên -Ko tự chủ	21.534.000.000	21.534.000.000
	- Loại 070 khoản 081 Đào tạo đại học không thường xuyên	4.668.000.000	4.668.000.000
	- Loại 400 khoản 402 Đào tạo đại học Lưu học sinh	472.610.000	472.610.000
B	TỔNG CHI TRONG NĂM 2023	124.259.640.173	124.259.640.173
1	LOẠI 070 KHOẢN 081 (ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC)	123.787.030.173	123.787.030.173
1.1	Chi cho con người	65.468.381.820	65.468.381.820
Mục 6000	Tiền lương	34.999.754.200	34.999.754.200
Mục 6100	Phụ cấp lương	10.843.249.805	10.843.249.805
Mục 6150	Học bổng, Hỗ trợ	2.240.764.000	2.240.764.000
Mục 6300	Các khoản đóng góp	8.621.507.721	8.621.507.721
Mục 6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	8.763.106.094	8.763.106.094
1.2	Chi chuyên môn nghiệp vụ	19.051.138.172	19.051.138.172
Mục 6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	3.072.993.933	3.072.993.933
Mục 6550	Vật tư văn phòng	1.967.384.203	1.967.384.203
Mục 6600	Thông tin tuyên truyền liên lạc	891.615.340	891.615.340
Mục 6700	Công tác phí	460.599.120	460.599.120
Mục 6750	Chi thuê mướn	674.678.844	674.678.844
Mục 6800	Chi đoàn ra	163.746.000	163.746.000
Mục 6900	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ	80.130.340	80.130.340
Mục 6950	Mua sắm phục vụ chuyên môn	256.700.060	256.700.060
Mục 7000	Chi phí chuyên môn	11.308.290.332	11.308.290.332
Mục 7050	Mua sắm tài sản vô hình	175.000.000	175.000.000
1.3	Chi khác	39.267.510.181	39.267.510.181
Mục 7750	Chi khác	6.726.254.192	6.726.254.192
Mục 7950	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện KC và SN	32.541.255.989	32.541.255.989

STT	DIỄN GIẢI	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được phê duyệt
2	LOẠI 400 KHOẢN 402 ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC LƯU HỌC SINH	472.610.000	472.610.000
Mục 7400	Chi đào tạo học sinh Lào	472.610.000	472.610.000

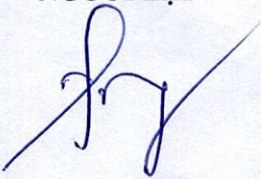
Tổng thu kinh phí năm 2023 = 124.259.640.173 đồng VN

Tổng chi kinh phí năm 2023 = 124.259.640.173 đồng VN

Thặng dư lũy kế chuyển sang năm 20224- 0 đồng VN

Ngày 10 tháng 5 năm 2024

NGƯỜI LẬP



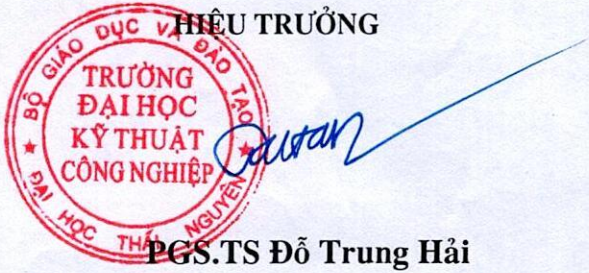
Bùi Thị trang

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ThS Phạm Khánh Luyện

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Đỗ Trung Hải

